

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2020/HS-ST

Ngày 24-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại

Bà Nguyễn Thị Z Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Huy G - sinh năm: 1993; tên gọi khác: Không; nơi sinh: D; nơi cư trú: Số 76/120 E, phường F, thành phố D, tỉnh D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn M (c) và bà: Đào Thị L; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 132 ngày 07-3-2020 do Công an huyện K lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 02 tiền án, 01 tiền sự:

+ Tại bản án số 59/2012/HSST ngày 26-4-2012, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh D xử phạt 27 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Đặc xá ngày 30-8-2013;

+ Tại bản án số 68/2014/HSST ngày 18-11-2014, Tòa án nhân dân

huyện V, tỉnh D xử phạt 12 tháng tù về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ra trại ngày 26-8-2015;

+ Quyết định số 113/QĐ-XPHC ngày 24-02-2009 của Công an thành phố D xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Huy G về lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội với hình thức Cảnh cáo về hành vi: Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 04-3-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- *Bị hại:* Ông Phạm Văn S - sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Mai - sinh năm 1969; địa chỉ: Số 1019 J, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội; (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 02-02-2019, Công an thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội nhận được đơn trình báo của bà An Thị Z - sinh năm 1967, trú tại: Tổ dân phố Kiên Trung, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội về việc: Bà Z phát hiện một số đối tượng thanh niên lạ mặt đến nhà vợ chồng ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị Mai từ ngày 01-02-2019 có biểu hiện đe dọa chiếm đoạt tài sản. Qua điều tra, truy xét, Cơ quan cảnh sát điều tra đã bắt khẩn cấp Nguyễn Trường H và đưa các đối tượng liên quan về trụ sở làm việc. Vật chứng thu giữ: 01 con dao nhọn (dạng dao chọc tiết lợn) dài 31cm, bên rộng nhất 06cm; phần chuôi gỗ dài 13,2cm.

Vật chứng thu giữ của bà Nguyễn Thị Mai: 01 tờ giấy có ghi nội dung: “Ngày 01-02-2019 chị Mai trả 15.000.000 đồng hẹn 10 ngày trả 10.000.000 đồng; 2301205035109 ngân hàng Agribank F1”.

Vật chứng thu giữ của Phan Đức F1: Số tiền 14.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của Lê Văn B: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO màu trắng BKS 34A-264.36, số máy: G4FGJH608302, số khung: 41M6JC131972 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng xe.

Vật chứng thu giữ của Lê Đức N: 01 chiếc xe ô tô Kia Forte, màu xám, mang BKS: 34A-019.44, số khung: 41A6CC027680; số máy: G4FCBW452335, xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong xe; 01 con dao màu đen, dài khoảng 25 cm, rộng khoảng 4 cm, đầu dao dài nhọn, có chuôi, cán bằng nhựa màu đen, ngoài có đựng bằng vải màu đen.

Quá trình điều tra, xác định nội dung vụ án như sau: Từ khoảng năm 2014 - 2018, ông Phạm Văn S sinh sống và bán quán nước tại số 4/18, ngõ 97, D, phường Q, thành phố D, tỉnh D đã vay nợ của Lê Văn B số tiền 49.000.000 đồng, Phan Đức F1 - sinh: 1986, trú tại: Khu 13, phường Q, thành phố D, tỉnh D số tiền 80.000.000 đồng, Phạm Văn E - sinh: 1990, trú tại: Số 39B, M, phường Q, thành phố D, tỉnh D số tiền 15.000.000 đồng, không có giấy tờ, nhằm mục đích chi tiêu riêng cá nhân. Sau đó, gia đình ông S chuyển đến bán hàng ăn tại địa chỉ số 1019 J, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội. B, F1, E không biết ông S chuyển nhà đi đâu nên chưa đòi được tiền nợ. Đến ngày 01-02-2019, khi F1 đang ở quán sửa xe của F1 ở thành phố D, tỉnh D thì có một người bạn tên H1 đi cùng một thanh niên lạ mặt (cả hai người không rõ nhân thân, địa chỉ) đến sửa xe máy tại quán của F1. H1 nói biết nơi gia đình ông S đang sinh sống nên F1 nhờ H1 dẫn F1 đến nhà ông S. F1 gọi điện cho B bảo B đi cùng đến nhà ông S đòi tiền nợ. B đồng ý và điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato màu trắng, đeo BKS: 34A-264.36 chở F1, H1 cùng thanh niên là bạn của H1 đến nhà ông S ở địa chỉ: Số 1019 J, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, B, F1, H1 cùng bạn của H1 đến nhà ông S. Tại đây, B, F1 yêu cầu gia đình ông S phải trả số tiền nợ B và F1 nhưng ông S, bà Mai nói chưa có tiền trả cho B và F1. Bà Mai đã vay của con trai là Phạm Văn Hải số tiền 15.000.000 đồng để trả cho F1, số tiền nợ còn lại thì ông S, bà Mai xin trả dần, F1 đồng ý và viết giấy nhận tiền đưa bà Mai. Trước khi bà Mai trả tiền cho F1, B gọi điện cho Nguyễn Trường H để nhờ An đến nhà ông S đòi tiền nợ hộ B. An đồng ý và gọi điện cho bạn là Phạm Văn E, E nói ông S hiện vẫn còn nợ E số tiền 15.000.000 đồng, An rủ E cùng đi đòi tiền nợ nhưng E không đi nên An đòi tiền nợ hộ E. B gọi điện cho Lê Đức N - sinh năm 1988, trú tại: khu 12, phường Tân Bình, thành phố D, tỉnh D (làm nghề lái xe taxi thuê) đón Nguyễn Trường H đến nhà ông S. Lê Đức N đồng ý và điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Forte, màu xám, mang BKS: 34A-019.44 đến đón Nguyễn Trường H, Nguyễn Huy G, Phạm Xuân N cùng đến nhà ông S. Khi đi, Nguyễn Huy G có mang theo 01 con dao đầu nhọn, dài khoảng 25cm đựng trong vỏ bằng vải màu đen để trên xe ô tô của N.

Đến khoảng 21 giờ ngày 01-02-2019, An, G, Lê Đức N, Phạm Xuân N đến nhà ông S tại số 1019 J, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội. B ra đón An và nói với An về việc ông S nợ B số tiền 49.000.000 đồng, nợ F1 số tiền 80.000.000 đồng. Lúc này, F1 đang đứng nói chuyện với H1 và bạn của H1 ở phía ngoài đường để chờ thuê Taxi cho H1 cùng bạn của H1 về trước. B, An, G, Phạm Xuân N cùng đi vào phía trong quán, thấy ông S đang đứng ở quầy

thái thức ăn, Nguyễn Trường H tiến đến đập con dao mà ông S vừa sử dụng xuống thớt, chửi ông S yêu cầu ông S phải trả số tiền nợ B, F1, E. Thấy tiếng ồn ào trong quán, bà Mai bảo nhóm của An lên tầng 2 để nói chuyện. Ông S, bà Mai cùng An, B, G, Phạm Xuân N đi lên tầng 2. Tại đây, An dùng tay phải dúi đầu bà Mai xuống. An đâm một cái và tát hai cái vào má ông S nhằm mục đích yêu cầu ông S phải trả tổng số tiền nợ 144.000.000 đồng, bao gồm: Nợ Lê Văn B: 49.000.000 đồng, nợ Phan Đức F1: 80.000.000 đồng, nợ Phạm Văn E: 15.000.000 đồng. Bà Mai xông vào ngăn cản không cho An đánh ông S nữa và nói với B: Sao lại để An đánh ông S, thì B, G, Xuân N kéo An ra. Bà Mai nói: Nếu An đánh ông S thì bà Mai không trả tiền cho An nữa. An tát vào mặt bà Mai hai cái và nói *“Chúng mày là dạng lừa đảo nên giờ phải trả hết tiền cho chúng tao”*. Sau đó, An tiếp tục chửi ông S, bà Mai yêu cầu phải trả tiền, rồi bảo: Gọi nốt con trai ông S, bà Mai lên đây thì Nguyễn Huy G bảo Phạm Xuân N đi xuống tầng 1 gọi anh Phạm Văn Hải - sinh năm: 1996 lên. Khi anh Hải lên tầng 2, An hỏi anh Hải có tiền trả cho ông S bà Mai không thì anh Hải nói: Vừa đưa 15.000.000 đồng cho F1 nên không còn tiền. An dùng cùi trỏ tay phải đánh một cái vào người Hải nhưng không trúng để nhằm đe dọa ông S, bà Mai phải trả tiền nợ. Do thấy ông S và bà Mai chưa trả tiền nên An đã chỉ đạo cả nhóm ngủ lại nhà ông S. An, B, Lê Đức N và F1 ngủ tại 02 xe ô tô của Lê Đức N và B đỗ trước cửa nhà ông S. G và Phạm Xuân N ngủ trên tầng 2 nhà ông S. Đến khoảng 4 giờ sáng ngày 02-02-2019, bà Mai cùng anh Hải dậy dắt xe máy đi ra cửa thì An từ trong ô tô đi ra hỏi bà Mai đi đâu. Bà Mai nói về quê ăn tát niên và vay tiền để trả nợ thì An bảo bà Mai, anh Hải lên xe ô tô để nhóm của An đưa về quê. Lê Đức N điều khiển xe ô tô Kia Forte, màu xám, mang BKS: 34A-019.44 chở bà Mai, anh Hải cùng An, B đến xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh D. Khi đến nơi, bà Mai và anh Hải đi bộ vào nhà người họ hàng còn An, B, Lê Đức N ngồi trong xe ô tô chờ ở đầu ngõ. Đến khoảng gần 10 giờ cùng ngày, bà Mai và anh Hải đi ra xe ô tô để về quê. An hỏi bà Mai đã vay được tiền chưa thì bà Mai chỉ ôm túi phía trước và nói cứ về Hà Nội rồi nói chuyện. B điều khiển xe ô tô đưa bà Mai, anh Hải, An, Lê Đức N quay về quán nhà bà Mai. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nguyễn Trường H, Lê Văn B, Lê Đức N cùng bà Mai, anh Hải về đến số nhà 1019 J, thị trấn C, K, Hà Nội, lúc này, F1, G, Phạm Xuân N vẫn đang ở tại quán thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, đưa về trụ sở làm việc và thu giữ các vật chứng như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 205/2019/HSST ngày 31-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện K đã xét xử Nguyễn Trường H 07 năm tù; Lê Văn B

05 năm tù; Phạm Xuân N 40 tháng tù về tội: Cướp tài sản theo điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Huy G bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định truy nã và Quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ hành vi cướp tài sản của Nguyễn Huy G. Đến ngày 04-3-2020, cơ quan công an đã bắt được G.

Đối với Phan Đức F1, Lê Đức N, người thanh niên tên H1 và bạn của H1 (không rõ nhân thân) không tham gia đánh, đe dọa cùng Nguyễn Trường H để đòi tiền của gia đình ông S. Phan Đức F1 không nhờ An đòi tiền nợ hộ F1, Lê Đức N chỉ là lái xe thuê chở khách kiếm tiền. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự, ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị Mai và anh Phạm Văn Hải không yêu cầu, đề nghị bồi thường gì. Ngày 16-6-2019 và 18-12-2019, ông Phạm Văn S có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đối với chiếc xe ô tô Kia Forte, màu xám, mang BKS: 34A-019.44, số khung: 41A6CC027680; số máy: G4FCBW452335 thu giữ của Lê Đức N. Qua xác minh, chủ sở hữu chiếc xe trên là anh Phạm Mạnh Quyền - sinh: 1984, trú tại: phường Q, thành phố D, tỉnh D. Anh Quyền cho Lê Đức N mượn xe ô tô để đi lại, không biết N sử dụng xe ô tô chở An đến nhà ông S đòi tiền nợ liên quan đến hành vi Cướp tài sản. Do đó, ngày 14-8-2019, Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe ô tô trên cho anh Quyền.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO màu trắng BKS 34A-264.36 thu giữ của Lê Văn B, quá trình điều tra xác định B không sử dụng chiếc xe ô tô trên liên quan đến hành vi phạm tội. Tại bản án số 205/2019/HSST ngày 31-12-2019, Tòa án nhân dân huyện K đã trả lại cho B chiếc xe trên; đồng thời trả lại cho Phan Đức F1 số tiền 14.000.000 đồng, tịch thu tiêu hủy con dao nhọn dài 31cm, bên rộng nhất 06cm.

Đối với 01 con dao màu đen, dài khoảng 25cm, rộng khoảng 04cm, đầu dao dài nhọn, có chuôi, cán bằng nhựa màu đen, ngoài có đựng bằng vải màu đen thu giữ của Lê Đức N, qua xác minh là của Nguyễn Huy G mang theo lên xe ô tô của N để nhằm mục đích phòng thân khi đi đường. G không mang theo con dao vào nhà ông S, không sử dụng con dao trên để đe dọa hay dùng vũ lực đối với ông S, bà Mai và anh Hải.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo G đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Cáo trạng số 88/CT-VKSGL ngày 31-5-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Huy G về tội: Cướp tài sản theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, qua tranh luận tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo G đã đủ yếu tố cấu thành tội: Cướp tài sản theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huy G mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04-3-2020.

Về dân sự: Không

Về hình phạt bổ sung: Không

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao màu đen, dài khoảng 25cm, rộng khoảng 04cm, đầu dao dài nhọn, có chuôi, cán bằng nhựa màu đen, ngoài có đựng bằng vải màu đen thu giữ của Lê Đức N.

Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thấy do thiếu hiểu biết nên đã vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Huy G tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của Nguyễn Trường H, Lê Văn B, Phạm Xuân N, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố.

Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01-02-2019, tại số nhà 1019 J, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội, Nguyễn Huy G cùng đồng phạm đã có hành vi dùng vũ lực và đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực, uy hiếp tinh thần làm ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Mai sợ, không dám chống cự để buộc ông S, bà Mai phải trả số tiền 144.000.000 đồng ông S và bà Mai nợ.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Huy G đã đủ yếu tố cấu thành tội: Cướp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, Nguyễn Trường H là kẻ chủ mưu và thực hành tích cực nhất; Nguyễn Huy G là kẻ thực hành đã cùng các đồng phạm khác trực tiếp có mặt tại nhà ông S, bà Mai trong một thời gian dài từ 21h00 ngày 01-02-2019 đến 10h30 ngày 02-02-2019 để tạo áp lực về số đông, dùng vũ lực, đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực để không chế, uy hiếp về tinh thần làm gia đình ông S, bà Mai sợ không dám chống cự với mục đích buộc ông S, bà Mai phải trả số tiền 144.000.000 đồng mà ông S và bà Mai nợ. Hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo cùng đồng phạm đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[6] Về tình tiết tăng nặng: Nhân thân của bị cáo đã có 02 tiền án, 01 tiền sự: Bản án số 59/2012/HSST ngày 26-4-2012, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh D xử phạt 27 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Đặc xá ngày 30-8-2013; Bản án số 68/2014/HSST ngày 18-11-2014, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh D xử phạt 12 tháng tù về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ra trại ngày 26-8-2015; Quyết định số 113/QĐ-XPHC ngày 24-02-2009 của Công an thành phố D xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Huy G về lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội với hình thức Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Các tiền án, tiền sự

trên của bị cáo đã đương nhiên được xóa theo luật định nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo cùng đồng phạm có mục đích chiếm đoạt số tiền 144.000.000 đồng của bị hại là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng đồng phạm dùng vũ lực, đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực nhằm chiếm đoạt số tiền 144.000.000 đồng của bị hại nhưng thực tế chưa chiếm đoạt được nên chưa gây thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo Nguyễn Huy G, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo một mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ.

- Về hình phạt bổ sung:

[9] Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự:

[10] Bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[11] Đối với số tiền 14.000.000 đồng thu giữ của Phan Đức F1; con dao nhọn (dạng dao chọc tiết lợn) dài 31cm, bên rộng nhất 06cm, phần chuôi gỗ dài 13,2cm thu giữ của gia đình ông S, bà Mai; chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO màu trắng BKS 34A-264.36 thu giữ của Lê Văn B đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2019/HSST ngày 31-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện K nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

[12] Đối với 01 con dao màu đen, dài khoảng 25cm, rộng khoảng 4cm, đầu dao dài nhọn, có chuôi, cán bằng nhựa màu đen, ngoài có đựng bằng vải màu đen thu giữ của Lê Đức N, qua xác minh là của Nguyễn Huy G mang theo lên xe ô tô của N để nhằm mục đích phòng thân khi đi đường. G không mang theo con dao vào nhà ông S, không sử dụng con dao trên để đe dọa hay dùng vũ lực đối với ông S, bà Mai và anh Hải. Tuy nhiên, bị cáo mang con dao là hung khí nguy hiểm để sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên cần cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[13] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K về mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về trách nhiệm dân sự, về hình phạt bổ sung và về xử lý vật chứng là cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, đại diện Viện Kiểm sát không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có thiếu sót nên việc đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc.

- Về án phí:

[14] Bị cáo Nguyễn Huy G phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[15] Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 điều 168, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy G 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù về tội: “Cướp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 04-3-2020.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao màu đen, dài khoảng 25cm, rộng khoảng 4cm, đầu dao dài nhọn, có chuôi, cán bằng nhựa

màu đen, ngoài có đựng bằng vải màu đen thu giữ của Lê Đức N (*Hiện vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05-12-2019*).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Huy G phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- UBND phường F, thành phố D, tỉnh D
(Thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Công an, VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Lưu: Vp; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Dũng